

Bản án số: **143/2020/KDTM-PT**
Ngày 17/8/2020
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Tuấn

Bà Ngô Tuyết Băng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Trần Chí Thành - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09/7; 07, 08, 13 và 17/8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 89/2019/TLPT-KDTM ngày 28/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 28/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 185/2020/QĐ-PT ngày 18/5/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 289/2020/QĐ-PT ngày 15/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q

Địa chỉ: Số X H, quận H, thành phố Hà Nội

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Q: Ngân hàng thương mại cổ phần T

Địa chỉ: Số B L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông N.C.D – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông N.V.T - Trưởng bộ phận xử lý nợ; có mặt

2. Bà P.T.T- Cán bộ xử lý nợ; có mặt

3. Bà T.T.T - Cán bộ xử lý nợ; có mặt

Bị đơn: Công ty cổ phần sản xuất và thương mại V

Địa chỉ: Xóm C, thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đ.T.M – Giám đốc; có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

I. Gia đình anh N.Q.T gồm:

1. Anh N.Q.T, sinh năm 198x; có mặt

2. Chị N.T.D, sinh năm 198x (vợ anh T); có mặt

3. Bà P.T.P, sinh năm 194x (mẹ anh T)

Người đại diện hợp pháp: Anh N.Q.T; có mặt

4. Cháu N.K.L, sinh năm 200x (con anh T)

5. Cháu N.Q.P, sinh năm 200x (con anh T)

6. Cháu N.Q.B, sinh năm 201x (con anh T)

Người đại diện theo pháp luật của cháu N.K.L, cháu N.Q.P, cháu N.Q.B: Anh N.Q.T và chị N.T.D; anh T và chị D đều có mặt

7. Chị N.T.H, sinh năm 198x (em gái anh T); vắng mặt

8. Chị N.T.M, sinh năm 197x (chị gái anh T)

Người đại diện theo ủy quyền: Chị N.T.D; có mặt

9. Bà N.T.T, sinh năm 193x (chị gái cùng cha khác mẹ với anh T); vắng mặt

10. Bà N.T.M, sinh năm 194x (chị gái cùng cha khác mẹ với anh T); vắng mặt

11. Bà N.T.H, sinh năm 195x (chị gái cùng cha khác mẹ với anh T); có mặt

12. Ông N.Q.L(anh trai nuôi anh T); vắng mặt

Cùng địa chỉ: Xóm A, thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội

II. Gia đình anh N.N.S gồm:

13. Anh N.N.S, sinh năm 197x; có mặt

14. Chị N.T.C, sinh năm 197x (vợ anh S); có mặt

15. Bà V.T.Đ, sinh năm 194x (mẹ anh S); vắng mặt

16. Cháu N.N.H, sinh năm 200x (con anh S)

17. Cháu N.T.H, sinh năm 200x (con anh S)

Người đại diện theo pháp luật của cháu N.N.H và cháu N.T.H: Anh N.N.S và chị N.T.C; anh S và chị C đều có mặt

18. Ông N.N.D, sinh năm 195x (anh trai anh S); có mặt

19. Bà N.T.H, sinh năm 196x (chị gái anh S); có mặt

20. Bà N.T.A.K, sinh năm 196x (chị gái anh S); vắng mặt

21. Ông N.N.K, sinh năm 196x (chị gái anh S); vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bà N.T.H, bà N.T.A.K, ông N.N.K: Ông N.N.D; có mặt

Cùng địa chỉ: Xóm L, thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội

III. Gia đình ông N.H.L gồm:

22. Ông N.H.L, sinh năm 195X; có mặt

23. Bà G.T.L, sinh năm 195X (vợ ông L); vắng mặt

24. Anh N.H.G, sinh năm 197X (con ông L); vắng mặt

25. Chị N.T.P, sinh năm 197X (vợ anh G); có mặt

26. Anh N.T.T, sinh năm 199X (con anh G); vắng mặt

27. Cháu N.M.A, sinh năm 200X (con anh G)

Người đại diện theo pháp luật của cháu N.M.A: Anh N.H.G và chị N.T.P; chị P có mặt

28. Anh N.H.GI, sinh năm 197X (con ông L); có mặt

29. Chị B.T.H, sinh năm 198X (vợ anh GI); vắng mặt

30. Cháu N.H.N, sinh năm 200X (con anh GI)

31. Cháu N.H.Q, sinh năm 200X (con anh GI)

32. Cháu N.K.H, sinh năm 201X (con anh GI)

Người đại diện theo pháp luật của cháu N.H.N, cháu N.H.Q, cháu N.K.H: Anh N.H.GI và chị B.T.H; anh GI có mặt

33. Bà N.T.N, sinh năm 194X (chị gái ông L); vắng mặt

34. Ông N.H.M, sinh năm 196X (em trai ông L); có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của anh N.H.G, chị N.T.P, anh N.T.T, chị B.T.H, bà N.T.N, ông N.H.M: Anh N.H.GI; có mặt

Cùng địa chỉ: Số X, ngõ Y, Xóm C, thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội

IV. Gia đình ông N.G.T gồm:

35. Ông N.G.T, sinh năm 194X; có mặt

36. Bà Đ.T.D, sinh năm 195X (vợ ông T); vắng mặt

37. Bà V.T.G, sinh năm 192X (mẹ ông T) (đã chết ngày 06/01/2020)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Ông N.G.T, ông N.G.Th, ông N.G.P; ông T có mặt; ông Th và ông P ủy quyền tham gia tố tụng cho anh N.A.T; anh T có mặt

38. Chị N.T.H, sinh năm 197X (con ông T); vắng mặt

39. Cháu N.D.T, sinh năm 201X (con chị H);

Người đại diện theo pháp luật của cháu N.D.T: Chị N.T.H; vắng mặt

40. Anh N.A.T, sinh năm 198x (con ông T); có mặt

41. Chị B.K.T, sinh năm 198x (vợ anh T); vắng mặt

42. Cháu N.P.A, sinh năm 200x (con anh T)

43. Cháu N.T.M, sinh năm 200X (con anh T)

44. Cháu N.G.M.Đ, sinh năm 201X (con anh T)

Người đại diện theo pháp luật của cháu N.P.A, cháu N.T.M, cháu N.G.M.Đ: Anh N.A.T và chị B.K.T; anh T có mặt

45. Chị N.T.H, sinh năm 198X (con ông T); có mặt

46. Anh Đ.T.Đ, sinh năm 198X (chồng chị H); vắng mặt

47. Cháu Đ.H.A, sinh năm 201X (con chị H)

48. Cháu Đ.Đ.K, sinh năm 201X (con chị H)

Người đại diện theo pháp luật của cháu Đ.H.A và cháu Đ.Đ.K: Anh Đ.T.Đ và chị N.T.H; chị H có mặt

49. Ông N.G.Th, sinh năm 1955; có mặt

50. Ông N.G.P, sinh năm 1955; vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của ông N.G.Th, ông N.G.P, chị N.T.H, chị B.K.T, anh Đ.T.Đ, chị N.T.H: Anh N.A.T; có mặt

Cùng địa chỉ: Xóm L, thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội

V. Gia đình ông T.V.H gồm:

51. Ông T.V.H, (tức T.V.Q) sinh năm 196X; có mặt

- 52. Bà Đ.T.P, sinh năm 196X (vợ ông H); có mặt
- 53. Anh T.V.H, sinh năm 199X (con ông H); vắng mặt
- 54. Anh T.V.N, sinh năm 198X (con ông H); có mặt
- 55. Chị N.T.U (tức P), sinh năm 198X (vợ anh N); vắng mặt
- 56. Cháu T.C.A, sinh năm 201X (con anh N)

Người đại diện theo pháp luật của cháu T.C.A: Anh T.V.N và chị N.T.U (tức P); anh N có mặt

- 57. Anh T.V.S, sinh năm 198X (con ông H); vắng mặt
- 58. Chị P.T.N, sinh năm 198X (vợ anh S); vắng mặt
- 59. Cháu T.V.A.K, sinh năm 201X (con anh S)

Người đại diện theo pháp luật của cháu T.V.A.K: Anh T.V.S và chị P.T.N; vắng mặt

- 60. Bà T.T.C, sinh năm 195X; có mặt
- 61. Bà T.T.H, sinh năm 195X; có mặt
- 62. Bà T.T.L, sinh năm 195X; vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bà T.T.C, bà T.T.H, bà T.T.L, anh T.V.H, anh T.V.S, chị P.T.N: Anh T.V.N; có mặt

Cùng địa chỉ: Xóm L, thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội

VI. Gia đình ông C.X.B gồm:

- 63. Ông C.X.B, sinh năm 195X; vắng mặt
- 64. Bà Đ.T.L, sinh năm 195X (vợ ông B); có mặt
- 65. Anh C.X.Q, sinh năm 197X (con ông B); có mặt
- 66. Chị N.T.H.G, sinh năm 198X (vợ anh Q); vắng mặt
- 67. Cháu C.K.L, sinh năm 200X (con anh Q)
- 68. Cháu C.K.H, sinh năm 201X (con anh Q)

Người đại diện theo pháp luật của cháu C.K.L và cháu C.K.H: Anh C.X.Q và chị N.T.H.G; anh Q có mặt

- 69. Chị C.T.Y, sinh năm 198X (con ông B); vắng mặt
- 70. Cháu N.H.N, sinh năm 200X (con chị Y)
- 71. Cháu N.H.A, sinh năm 201X (con chị Y)

Người đại diện theo pháp luật của cháu N.H.N và cháu N.H.A: Chị C.T.Y; vắng mặt

72. Chị C.T.T, sinh năm 198X (con ông B); vắng mặt

73. Cháu N.T.N, sinh năm 200X (con chị T)

Người đại diện theo pháp luật của cháu N.T.N: Chị C.T.T; vắng mặt

74. Chị C.T.T, sinh năm 198X (con ông B); vắng mặt

75. Cháu N.P.U, sinh năm 201X (con chị T)

76. Cháu N.K.A, sinh năm 201X (con chị T)

Người đại diện theo pháp luật của cháu N.P.U và Cháu N.K.A: Chị C.T.T; vắng mặt

77. Chị C.T.H, sinh năm 198X (con ông B); vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của chị C.T.Y, chị C.T.T, chị C.T.H, chị N.T.H.G: Anh C.X.Q; có mặt

Cùng địa chỉ: Xóm C, thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội

VII. Gia đình ông N.H.M gồm:

78. Ông N.H.M, sinh năm 196X; có mặt

79. Bà Đ.T.M, sinh năm 196X (vợ ông M); có mặt

80. Anh N.H.S, sinh năm 198X (con ông M); vắng mặt

81. Chị V.N.Q, sinh năm 198X (vợ anh S); vắng mặt

82. Cháu N.M.H, sinh năm 201X (con anh S)

83. Cháu N.X.H, sinh năm 201X (con anh S)

Người đại diện theo pháp luật của cháu N.M.H và cháu N.X.H: Anh N.H.S và chị V.N.Q; vắng mặt

84. Anh N.H.L, sinh năm 198X (con ông M); có mặt

85. Chị N.T.L, sinh năm 198X (vợ anh L); có mặt

86. Cháu N.H.T.P, sinh năm 200X (con anh L)

87. Cháu N.H.T.Đ, sinh năm 201X (con anh L)

88. Cháu N.H.T.L, sinh năm 201X (con anh L)

Người đại diện theo pháp luật của cháu N.H.T.P, cháu N.H.T.Đ, cháu N.H.T.L: anh N.H.L và chị N.T.L; anh L và chị L đều có mặt

89. Chị N.T.T, sinh năm 199X (con ông M); vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của chị N.T.T, chị N.T.L, chị V.N.Q: Anh N.H.L; có mặt

Cùng địa chỉ: Xóm C, thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Bà N.T.K.T, ông P.V.H, bà N.T.V.A, ông L.L.L, Luật sư của Văn phòng Luật sư N.T, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; bà T và ông H có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/10/2011, Ngân hàng thương mại cổ phần T và Công ty cổ phần sản xuất và thương mại V ký Hợp đồng hạn mức tín dụng số LD1127600299. Theo đó, Ngân hàng T cho Công ty V vay với tổng số tiền là 39.940.000.000 đồng, được thể hiện theo các khế ước nhận nợ:

1. Khế ước nhận nợ số LD1201100126 ngày 11/01/2012: Số tiền nhận nợ: 2.400.000.000 đồng với thời hạn 06 tháng (từ ngày 11/01/2012 đến ngày 11/7/2012)

2. Khế ước nhận nợ số LD1201100127 ngày 12/01/2012: Số tiền nhận nợ: 1.600.000.000 đồng với thời hạn 06 tháng (từ ngày 12/01/2012 đến ngày 12/7/2012)

Điều thỏa thuận: Lãi suất cho vay trong hạn: 23%/năm; điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất của bên ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 9%/năm; Thời hạn trả nợ: nợ gốc được trả một lần vào thời điểm kết thúc thời hạn vay (trả cuối kỳ); nợ lãi: trả theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/02/2012.

3. Khế ước nhận nợ số LD1207900087 ngày 19/3/2012: Số tiền nhận nợ: 2.970.000.000 đồng với thời hạn 06 tháng (từ ngày 19/3/2012 đến ngày 19/9/2012)

4. Khế ước nhận nợ số LD1208100301 ngày 22/3/2012: Số tiền nhận nợ: 2.880.000.000 đồng với thời hạn 06 tháng (từ ngày 22/3/2012 đến ngày 22/9/2012)

5. Khế ước nhận nợ số LD1208600077 ngày 26/3/2012: Số tiền nhận nợ: 2.960.000.000 đồng với thời hạn 06 tháng (từ ngày 26/3/2012 đến ngày 26/9/2012)

6. Khế ước nhận nợ số LD1208900059 ngày 29/3/2012: Số tiền nhận nợ: 2.945.000.000 đồng với thời hạn 06 tháng (từ ngày 29/3/2012 đến ngày 29/9/2012)

Thông nhất thỏa thuận: Lãi suất cho vay trong hạn: 20%/năm; điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bậc

thang thấp nhất của bên ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 8%/năm; Thời hạn trả nợ: nợ gốc được trả một lần vào thời điểm kết thúc thời hạn vay (trả cuối kỳ); nợ lãi: trả theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/4/2012.

7. Khế ước nhận nợ số LD1209400050 ngày 03/4/2012: Số tiền nhận nợ: 2.875.000.000 đồng với thời hạn 06 tháng (từ ngày 03/4/2012 đến ngày 03/10/2012); Lãi suất cho vay trong hạn: 19,5%/năm; điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất của bên ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 7,5%/năm; Thời hạn trả nợ: nợ gốc được trả một lần vào thời điểm kết thúc thời hạn vay (trả cuối kỳ); nợ lãi: trả theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/5/2012.

8. Khế ước nhận nợ số LD1212300093 ngày 03/5/2012: Số tiền nhận nợ: 2.955.000.000 đồng với thời hạn 06 tháng (từ ngày 03/5/2012 đến ngày 03/11/2012); Lãi suất cho vay trong hạn: 18,5%/năm; điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất của bên ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 6,5%/năm; Thời hạn trả nợ: nợ gốc được trả một lần vào thời điểm kết thúc thời hạn vay (trả cuối kỳ); nợ lãi: trả theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/5/2012.

9. Khế ước nhận nợ số LD1212800036 ngày 07/5/2012: Số tiền nhận nợ: 2.250.000.000 đồng với thời hạn 06 tháng (từ ngày 07/5/2012 đến ngày 07/11/2012);

10. Khế ước nhận nợ số LD1213000108 ngày 09/5/2012: Số tiền nhận nợ: 2.105.000.000 đồng với thời hạn 06 tháng (từ ngày 09/5/2012 đến ngày 09/11/2012)

Thỏa thuận lãi suất cho vay trong hạn: 18,5%/năm; điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất của bên ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 6,5%/năm; Thời hạn trả nợ: nợ gốc được trả một lần vào thời điểm kết thúc thời hạn vay (trả cuối kỳ); nợ lãi: trả theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/5/2012.

11. Khế ước nhận nợ số LD1215800352 ngày 07/6/2012: Số tiền nhận nợ: 2.520.000.000 đồng với thời hạn 06 tháng (từ ngày 07/6/2012 đến ngày 07/12/2012)

12. Khế ước nhận nợ số LD1215900070 ngày 12/6/2012: Số tiền nhận nợ: 2.380.000.000 đồng với thời hạn 06 tháng (từ ngày 12/6/2012 đến ngày 12/12/2012)

Thỏa thuận lãi suất cho vay trong hạn: 17,5%/năm; điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất của bên ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 6,5%/năm; Thời hạn trả nợ: nợ gốc được trả một lần vào thời điểm kết thúc thời hạn vay (trả cuối kỳ); nợ lãi: trả theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/6/2012.

13. Khế ước nhận nợ số LD1216500284 ngày 14/6/2012: Số tiền nhận nợ: 2.450.000.000 đồng với thời hạn vay 06 tháng (từ ngày 14/6/2012 đến ngày 14/12/2012)

14. Khế ước nhận nợ số LD1217000129 ngày 18/6/2012: Số tiền nhận nợ: 2.100.000.000 đồng với thời hạn 06 tháng (từ ngày 18/6/2012 đến ngày 18/12/2012)

15. Khế ước nhận nợ số LD1217200026 ngày 20/6/2012: Số tiền nhận nợ: 2.420.000.000 đồng với thời hạn 06 tháng (từ ngày 20/6/2012 đến ngày 20/12/2012)

16. Khế ước nhận nợ số LD1217400104 ngày 22/6/2012: Số tiền nhận nợ: 2.130.000.000 đồng với thời hạn 06 tháng (từ ngày 22/6/2012 đến ngày 22/12/2012)

Thỏa thuận lãi suất cho vay trong hạn: 17,5%/năm; điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất của bên ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 7%/năm; Thời hạn trả nợ: nợ gốc được trả một lần vào thời điểm kết thúc thời hạn vay (trả cuối kỳ); nợ lãi: trả theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/7/2012.

Mười sáu khế ước nhận nợ đều thỏa thuận: Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn; Phạt chậm trả lãi: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tính trên số tiền lãi chậm trả và số ngày chậm trả, bắt đầu tính từ thời điểm quá hạn cho đến khi bên vay thanh toán hết nợ lãi quá hạn; Tài sản bảo đảm cho toàn bộ khoản vay trên là:

1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số X, tờ bản đồ số Y, tại xã T, T, Hà Nội đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W907466 ngày 12/11/2003 mang tên N.H.M.

2. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số A, tờ bản đồ số B, tại xã T, T, Hà Nội đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W892957 ngày 22/9/2003 mang tên N.Q.T.

3. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số M, tờ bản đồ số N, tại xã T, T, Hà Nội đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S159706 ngày 12/5/2004 mang tên N.H.L.

4. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số Q, tờ bản đồ số K, tại xã T, T, Hà Nội đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ888929 ngày 20/12/2004 mang tên T.V.H.

5. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số G, tờ bản đồ số H, tại xã T, T, Hà Nội đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D887939 ngày 31/8/2004 sang tên N.N.S ngày 27/4/2009.

6. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số T, tờ bản đồ số O, tại xã T, T, Hà Nội đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S297764 ngày 14/4/2004 mang tên N.G.T.

7. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa thửa số P, tờ bản đồ số K, tại xã T, T, Hà Nội đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB626181 ngày 13/7/2005 mang tên ông C.X.B và bà Đ.T.L.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty V đã trả được cho Ngân hàng T số tiền nợ gốc: 0 đồng, nợ lãi: 898.699.673 đồng, kể từ ngày 10/7/2012, Công ty V vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng T. Ngày 22/11/2013, Ngân hàng T đã bán khoản nợ của Công ty V cho Công ty TNHH MTV Q (gọi tắt là Q) theo Hợp đồng mua, bán nợ số 11/Q-NGÂN HÀNG T, vì vậy Q kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ tổ tụng của Ngân hàng T.

Q khởi kiện yêu cầu: Buộc Công ty V phải thanh toán cho Q toàn bộ khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1127600299 ngày 07/10/2011 và các Khế ước nhận nợ kèm theo, tạm tính đến ngày 11/9/2018 là: Nợ gốc: 39.940.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 1.089.781.055 đồng; Nợ lãi quá hạn: 56.494.171.293 đồng; Tổng cộng: 97.523.952.348 đồng. Q xin rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản lãi phạt chậm trả.

- Buộc Công ty V phải tiếp tục trả lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1127600299 ngày 07/10/2011 và các Khế ước nhận nợ kèm theo cho đến ngày Công ty V thực tế thanh toán hết các khoản nợ cho Q

- Trường hợp Công ty V không trả hoặc trả không đủ số tiền nêu trên Q có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn: Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 3 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 83 Luật ban hành văn bản Quy phạm pháp luật; Điều 1 Thông tư 12/2010/NHNN, lãi suất cho vay giữa các bên là theo thỏa thuận. Do vậy yêu cầu phản tố của Công ty V là không có căn cứ vì vậy không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Đối với yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp là hoàn toàn hợp pháp. Do đó, yêu

cầu tuyên hợp đồng thế chấp vô hiệu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ, vì vậy Q không chấp nhận. Ngày 13/12/2018, Q lại chuyển nhượng lại toàn bộ khoản nợ của Công ty V cho Ngân hàng T. Theo đó Ngân hàng T kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Q.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là Công ty cổ phần sản xuất và thương mại V (có yêu cầu phản tố) trình bày:

Xác nhận Công ty V và Ngân hàng T đã ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1127600299 ngày 07/10/2011 với số tiền hạn mức là 40.000.000.000 đồng. Theo đó, Ngân hàng T đã cho Công ty V vay theo 16 khế ước nhận nợ với tổng số tiền 39.940.000.000 đồng như đại diện nguyên đơn đã trình bày. Nhưng để vay vốn tại ngân hàng, Công ty V chỉ mở cuộc họp Hội đồng quản trị để thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng mà không mở cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Để làm đảm bảo hạn mức tại Ngân hàng T, Công ty V cùng những người có tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã ký các hợp đồng thế chấp các tài sản như đại diện nguyên đơn trình bày. Khi ký hợp đồng thế chấp, Công ty V đã làm cam kết với các gia đình thế chấp tài sản về việc Công ty V chỉ thế chấp để làm hạn mức tại Ngân hàng, chứ không phải để đảm bảo cho khoản vay của Công ty V tại Ngân hàng. Tuy nhiên, Công ty V không thông báo với Ngân hàng T về việc này.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng hạn mức nêu trên Công ty V đã thanh toán cho Ngân hàng T khoảng 15 tỷ đồng tiền lãi, tiền gốc chưa thanh toán, sau do kinh doanh thu lỗ nên Công ty V không thể thanh toán được khoản nợ cho Ngân hàng T. Nay, tạm tính đến ngày 11/9/2018, Công ty V còn nợ Q số nợ gốc là 39.940.000.000 đồng. Nay Q khởi kiện yêu cầu Công ty V trả toàn bộ khoản nợ.

Công ty V có đơn phản tố: Đề nghị Tòa án tuyên Hợp đồng tín dụng hạn mức và các khế ước nhận nợ vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật về lãi suất và không có biên bản quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc vay vốn tại Ngân hàng. Tất cả các khoản tiền lãi mà Công ty V đã trả cho Ngân hàng T, đề nghị trừ vào nợ gốc của Công ty V, Công ty V sẽ thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc còn lại.

Đề nghị Tòa án tuyên bố 7 hợp đồng thế chấp vô hiệu do UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 7 thửa đất này không đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trình bày:

1. Gia đình ông N.H.M

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đ.T.M, ông N.H.M thống nhất trình bày:* Thừa số X, tờ bản đồ số Y, tại xã T, T, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W907466 do UBND huyện T cấp ngày 12/11/2003 mang tên N.H.M là không đúng quy định của pháp luật vì thửa đất này thuộc quyền sở hữu, quản lý, sử dụng của vợ chồng bà M, ông M, anh N.H.S, anh N.H.L và chị N.T.T. Thửa đất này là đất dân dân do UBND huyện T cấp cho hộ gia đình bà M, ông M vào khoảng năm 1985-1986. Tại thời điểm đó, hộ gia đình bà M, ông M gồm: vợ chồng ông bà và con trai là anh N.H.S. Khi thế chấp thửa đất trên tại Ngân hàng T, trong gia đình ông bà chỉ có vợ chồng bà M, ông M ký hợp đồng, các con ông bà không ai biết và ký.

Trên đất hiện có ngôi nhà 3,5 tầng, nhà 3 gian cấp 4 lợp ngói do ông bà và các con xây dựng năm 2005. Năm 2010, vợ chồng anh L, chị L sửa chữa ngôi nhà 3 gian và nhà để xe. Năm 2017, vợ chồng anh L, vợ chồng anh S nâng cấp, sửa chữa sân, tường rào, ngõ đi.

Hiện nay, trên thửa đất này gồm có: Anh N.H.S, chị V.N.Q, cháu N.M.H, cháu N.X.H, anh N.H.L, chị N.T.L, cháu N.H.T.P, cháu N.H.T.Đ, cháu N.H.T.L, chị N.T.T, và hai vợ chồng ông bà, ngoài ra không còn ai khác. Nay Q khởi kiện, ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Q về xử lý tài sản thế chấp của gia đình ông bà vì toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất nêu trên là sở hữu chung của gia đình, bà M, ông M không có quyền định đoạt toàn bộ do vậy đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu độc lập của anh N.H.S, anh N.H.L, chị N.T.L, chị V.N.Q, chị N.T.T tuyên bố hợp đồng thế chấp vô hiệu và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông bà.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là chị N.N.Q, anh N.H.L, chị N.T.L, chị N.T.T do anh L làm đại diện và anh N.H.S thống nhất* xác nhận lời trình bày của bà M, ông M về quan hệ gia đình, nguồn gốc thửa đất cũng như các công trình trên đất do các thành viên trong gia đình xây dựng và thời điểm xây dựng sửa chữa nhà. Các anh chị đều không biết việc bà M, ông M dùng nhà đất của cả gia đình để thế chấp cho ngân hàng, vì vậy đề nghị Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu độc lập của các anh chị, tuyên bố hợp đồng thế chấp và các phụ lục hợp đồng kèm theo vô hiệu và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình các anh chị.

2. Gia đình anh N.Q.T:

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh N.Q.T, chị N.T.D thống nhất trình bày:* Anh T, chị D xác nhận đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng thửa đất số A, tờ bản đồ số B, tại xã T, T, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W892957 do UBND huyện T cấp ngày 22/9/2003 mang tên N.Q.T nhưng anh chị ký hợp đồng thế chấp để Công ty V đảm bảo hạn mức tại

Ngân hàng chứ không phải để đảm bảo cho khoản vay của Công ty V, Công ty V vay bao nhiêu tiền thì anh chị không biết.

Khi anh chị ký hợp đồng, chỉ có anh T ký, chị D ký hợp đồng với tư cách người làm chứng. Mẹ anh T và các anh chị của anh T đều không biết.

Thửa đất anh chị ký thế chấp là của ông N.Q.N (mất năm 1989), bà B.T.S (vợ cả, mất năm 2002) và bà P.T.P (vợ hai) cùng mua. Ông N và bà S có 4 người con chung: bà N.T.T, bà N.T.M, bà N.T.H và ông N.Q.L là con nuôi; Ông N và bà P có 3 người con chung là: Chị N.T.M, anh N.Q.T và chị N.T.H. Ngoài ra không còn người con nuôi, con riêng nào khác. Sau khi ông N mất, gia đình anh T có hợp và thống nhất để cho anh T đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng thực tế, thửa đất này là tài sản của mẹ anh T và các anh chị em trong gia đình.

Hiện nay, ở tại thửa đất đã thế chấp gồm có bà P, vợ chồng anh chị và các con anh chị, ngoài ra không còn ai khác.

Các công trình trên đất gồm có 2 ngôi nhà có trước khi thế chấp, do bà T, bà M, bà H, ông L, chị M, anh T, chị H đóng góp xây dựng. Một ngôi nhà 3,5 tầng do anh T, chị D, bà P và các con anh chị quản lý, sử dụng, Ngôi nhà 4,5 tầng do chị H quản lý và cho thuê trọ ngắn hạn, theo từng tháng, không có hợp đồng. Nay Q khởi kiện, anh chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Q về xử lý tài sản thế chấp của gia đình anh chị. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu độc lập của chị H, chị H, chị M, tuyên bố hợp đồng thế chấp vô hiệu và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh chị.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là chị N.T.H, N.T.H, chị N.T.M thống nhất trình bày:* Các chị xác nhận lời trình bày của anh T, chị D về gia hệ, nguồn gốc thửa đất anh T, chị D đã thế chấp cho Ngân hàng cũng như khi mất bố mẹ các chị đều không để lại di chúc. Việc anh T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các chị không được biết và cũng không biết việc anh T, chị D ký hợp đồng thế chấp đất để Công ty V vay tiền ngân hàng. Nay Q khởi kiện, các chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Q, đề nghị tòa án tuyên bố hợp đồng thế chấp và các phụ lục hợp đồng kèm theo do anh T, chị D ký vô hiệu do anh T, chị D không có quyền định đoạt thửa đất. Đề nghị Ngân hàng trả lại cho gia đình các chị Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Gia đình anh N.N.S:

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh N.N.S, chị N.T.C trình bày:* Anh chị xác nhận vợ chồng anh chị đã ký Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất thửa số G, tờ bản đồ số H, tại xã T, T, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D887939 do UBND huyện T cấp ngày 31/8/2004 mang tên N.N.S nhưng vợ chồng anh chị ký hợp đồng thế chấp để Công ty V làm hạn mức tại

Ngân hàng, chứ không phải dùng tài sản của anh chị để đảm bảo cho khoản vay của Công ty V, Công ty V vay bao nhiêu tiền anh chị không biết. Khi ký hợp đồng thế chấp, chỉ có vợ chồng anh chị ký. Bố mẹ, anh chị và các con của anh chị không ai biết.

Thửa đất anh chị thế chấp là của bố mẹ anh S là ông N.N.T (mất năm 2014) và bà V.T.Đ. Năm 2014, bố anh S mất không để lại di chúc. Bố mẹ anh S có 5 người con: gồm Ông N.N.D, bà N.T.H, bà N.T.A.K, ông N.N.K và anh N.N.S. Ngoài ra, bố mẹ anh không còn người con nuôi, con riêng nào khác. Sau khi bố anh S chết, mẹ anh S và 5 anh em các anh quản lý, sử dụng.

Khi bố anh S còn sống, bố mẹ anh S và các anh chị em cùng đóng góp xây ngôi nhà 3,5 tầng và đã cho anh đứng tên thửa đất vì bố anh đã già yếu. Việc anh S đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ có bố mẹ anh S và chị Chúc biết, các anh chị anh không hề biết.

Hiện nay đang sinh sống tại thửa đất này có mẹ anh S là bà Được, vợ chồng và các con anh chị, ngoài ra không còn ai khác. Nay Q khởi kiện, anh chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Q về xử lý tài sản thế chấp của gia đình anh chị. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Đ, anh D, chị H, chị Kh và anh K, tuyên bố hợp đồng thế chấp vô hiệu và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình anh chị.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là anh N.N.D, bà V.T.Đ, chị N.T.H, anh N.N.K, chị N.T.A.K thống nhất* xác nhận lời trình bày của anh S về gia hệ và nguồn gốc thửa đất vợ chồng anh S thế chấp cho ngân hàng. Thửa đất này là của bố mẹ các anh chị. Năm 2014, bố các anh chị chết không để lại di chúc, do đó, thửa đất này thuộc quyền quản lý, sử dụng của cụ Đ và tất cả các con, vợ chồng anh S không có quyền định đoạt. Các anh chị không biết việc anh S đã đứng tên trên sổ đỏ được cấp năm 2004, cũng không biết việc anh S, chị C ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất. Nay Q khởi kiện, các anh chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Q. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu độc lập của các anh chị và bà Đ tuyên bố hợp đồng thế chấp và các phụ lục hợp đồng kèm theo vô hiệu và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình.

4. Gia đình ông N.H.L:

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông N.H.L, bà G.T.L thống nhất trình bày:* Ông bà xác nhận đã ký hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất thửa số M, tờ bản đồ số N, tại xã T, T, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S159706 do UBND huyện T cấp ngày 12/5/2004 mang tên N.H.L với ngân hàng nhưng ông bà ký hợp đồng thế chấp là để làm hạn mức tại ngân hàng, chứ không phải dùng tài sản để vay tiền. Công ty V vay bao nhiêu tiền ông bà không

biết. Khi ký hợp đồng thế chấp, chỉ có vợ chồng ông bà, các anh chị em và các con ông bà đều không biết.

Thửa đất này là do bố mẹ ông L là cụ N.H.Đ (mất năm 2000) và cụ N.T.N (mất năm 1992) để lại. Cụ Đ và cụ N có 3 người con: bà N.T.N (con nuôi), ông N.H.M và ông N.H.L. Trước khi mất, hai cụ không để lại di chúc. Năm 2004, ông L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất. Việc ông L đứng tên sổ đỏ, bà Nga không biết, ông M có biết và ký nhưng để ông L đứng tên quản lý, sử dụng đất mà không được quyền định đoạt thửa đất. Năm 2010, ông L đã lập văn bản viết tay chia đất cho hai con là anh G, anh GI thửa đất trên.

Trước khi thế chấp, trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4, 01 ngôi nhà 2 gian và 01 ngôi nhà 2 tầng. Sau khi thế chấp, năm 2010, vợ chồng anh G xây ngôi nhà 3,5 tầng và vợ chồng anh GI xây ngôi nhà 4 tầng.

Hiện nay, ở trên nhà đất này gồm có: vợ chồng ông bà, gia đình anh G và gia đình anh GI.

Nay Q khởi kiện, ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Q về việc xử lý tài sản thế chấp của gia đình ông bà. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu độc lập của các anh N.H.G, chị N.T.P, anh N.T.T, anh N.H.M, anh N.H.GI, chị B.T.H và bà N.T.N tuyên bố hợp đồng thế chấp vô hiệu và trả lại gia đình ông bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là anh N.H.GI, chị B.T.H, anh N.H.G, chị N.T.P, anh N.T.T, ông N.H.M và bà N.T.N do anh GI làm đại diện xác nhận lời trình bày của ông L, bà L về gia hệ và nguồn gốc đất. Bà N, ông M và các anh chị không biết gì về việc bố mẹ anh ký hợp đồng thế chấp thửa đất. Anh GI xác định quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất là tài sản chung của cả gia đình anh, ông L, bà L không có quyền định đoạt toàn bộ. Nay Q khởi kiện, anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Q về việc xử lý tài sản thế chấp của gia đình anh. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu độc lập của bà N, ông M và các anh chị em anh, tuyên bố hợp đồng thế chấp và các phụ lục hợp đồng kèm theo vô hiệu và trả lại gia đình anh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.*

5. Gia đình ông N.G.T:

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông N.G.T, bà Đ.T.D xác nhận vợ chồng ông bà đã ký hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất thửa số T, tờ bản đồ số O, tại xã T, T, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S297764 do UBND huyện T cấp ngày 14/4/2004 mang tên N.G.T với ngân hàng nhưng ông bà ký hợp đồng là để Công ty V làm hạn mức Ngân hàng, chứ không phải dùng tài sản của ông bà để vay tiền. Công ty V vay bao nhiêu tiền ông bà không biết.*

Khi ông bà ký hợp đồng thế chấp chỉ có ông bà, mẹ ông T, các em ông T và các con ông bà không ai biết. Thửa đất này là của bố ông T cụ N.G.P (mất năm 1956) và cụ V.T.G. Hai cụ có 3 người con là N.G.T, ông N.G.Th và ông N.G.P. Cụ P chết không để lại di chúc. Sau khi cụ P chết, cụ G là người quản lý, sử dụng thửa đất. Năm 2004, ông T đã tự kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ G và các em ông T không ai biết. Tài sản này là của cụ G và các anh em ông T, vợ chồng ông không có quyền định đoạt.

Năm 2007, chị N.T.H xây dựng nhà 2 tầng 50m². Năm 2008, vợ chồng anh N.A.T xây ngôi nhà 3 tầng 1 tum. Ngôi nhà gỗ cụ G và các anh em ông T xây dựng năm 1974, năm 2008, ông T nâng cấp, tôn tạo. Năm 2008, chị N.T.H, anh Đ.T.Đ xây ngôi nhà 3 tầng 40m².

Hiện sinh sống trên đất gồm có 14 nhân khẩu: Ông N.G.T, bà Đ.T.D, bà V.T.G, chị N.T.H, cháu N.D.T, anh N.A.T, chị B.K.T, cháu N.P.A, cháu N.T.M, cháu N.G.M.Đ, chị N.T.H, anh Đ.T.Đ, cháu Đ.H.A, cháu Đ.Đ.K.

Nay Q khởi kiện, ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Q về việc xử lý tài sản thế chấp của gia đình ông bà. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu độc lập của cụ V.T.G, anh N.A.T, chị B.K.T, chị N.T.H, chị N.T.H, anh Đ.T.Đ, ông N.G.Th, ông N.G.P tuyên bố hợp đồng thế chấp vô hiệu và trả lại gia đình ông bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là anh N.A.T, chị B.K.T, chị N.T.H, chị N.T.H, anh Đ.T.Đ, ông N.G.Th, ông N.G.P do anh T làm đại diện ủy quyền và cụ V.T.G thống nhất xác nhận lời trình bày của ông T về quan hệ gia hệ và nguồn gốc đất. Việc ông T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cụ G và ông T, ông P không ai biết. Cụ G, ông T, ông P và các anh chị em ông T cũng không ai biết việc ông T, bà D ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng thửa đất để Công ty V làm thủ tục vay tiền. Quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất là tài sản chung của cả gia đình anh T, ông T, bà D không có quyền định đoạt toàn bộ. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu độc lập của gia đình anh, tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và các phụ lục hợp đồng kèm theo vô hiệu và Ngân hàng trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình anh vì UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T không đúng pháp luật.*

6. Gia đình ông T.V.H:

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông T.V.H, bà Đ.T.P thống nhất xác nhận ký hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất thửa số Q, tờ bản đồ số K, tại xã T, T, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ888929 do UBND huyện T cấp ngày 20/11/2004 mang tên T.V.H với Ngân hàng nhưng ông bà ký thế chấp là để Công ty V làm hạn mức, chứ không phải dùng tài sản của ông bà để đảm bảo khoản vay của công ty. Công ty V vay bao nhiêu tiền*

ông bà không biết. Khi ký hợp đồng thế chấp, chỉ có vợ chồng ông bà ngoài ra không có ai cả. Thửa đất này có 1 phần là của cụ T.V.B (mất năm 1967) và cụ N.T.B (mất năm 1996) để lại, 1 phần là được cấp cho cụ N.T.B vào năm 1973. Hai cụ có 4 người con là bà T.T.C, bà T.T.H, bà T.T.L và ông T.V.H. Ngoài ra, các cụ không còn con nuôi, con riêng nào khác. Khi mất, các cụ đều không để lại di chúc. Năm 1990, ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, năm 2004, ông H được cấp đổi sổ đỏ. Việc ông H đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các chị ông H không ai biết. Do đó, việc UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H là không đúng pháp luật. Năm 2006, gia đình ông H, bà Ph họp gia đình và chia đất cho 3 con trong đó Anh Hiến quản lý, sử dụng 49m²; anh S quản lý, sử dụng 45m²; anh N quản lý, sử dụng 53m²; còn lại vợ chồng ông bà sử dụng 83m². Việc họp và chia đất này được lập thành biên bản họp gia đình, các chị ông H đều không biết ông bà đã chia đất cho các con. Cuối năm 2006, ông bà và các con trai, con dâu xây nhà trên đất, hiện nay trên đất có 3 ngôi nhà 2,5 tầng. Ở trên đất gồm có: Ông T.V.H, bà Đ.T.P, anh T.V.H, anh T.V.N, chị N.T.U (tức P), cháu T.C.A, anh T.V.S, chị P.T.N, cháu T.V.A.K. Ngoài ra không còn ai khác. Nay Q khởi kiện, ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Q về việc xử lý tài sản thế chấp của gia đình ông bà. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu độc lập của anh T.V.N, chị N.T.U (tức P), anh T.V.H, anh T.V.S, chị P.T.N, bà T.T.C, bà T.T.H, bà T.T.L tuyên bố hợp đồng thế chấp vô hiệu và trả lại ông bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là anh T.V.N, anh T.V.H, anh T.V.S, chị P.T.N, bà T.T.C, bà T.T.H, bà T.T.L do anh N làm đại diện và chị N.T.U (tức P) thống nhất trình bày:* Xác nhận lời trình bày của ông H, bà Ph về gia hệ và nguồn gốc đất. Việc ông H, bà Ph ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng thửa đất của cả gia đình các bà và các anh chị không hề biết. Các bà và các anh chị xác định quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất là tài sản chung của cả gia đình, ông H, bà Ph không có quyền định đoạt toàn bộ, đề nghị Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu độc lập của các bà và các anh chị, tuyên bố hợp đồng thế chấp và các phụ lục hợp đồng kèm theo vô hiệu và trả lại gia đình anh chị giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

7. Gia đình ông C.X.B:

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đ.T.L, ông C.X.B thống nhất trình bày:* Ông B, bà L đã ký hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa thửa số P, tờ bản đồ số K, tại xã T, T, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB626181 do UBND huyện T cấp ngày 13/7/2005 mang tên ông C.X.B và bà Đ.T.L với Ngân hàng nhưng để Công ty V làm hạn mức với Ngân hàng, chứ không phải dùng tài sản của ông bà để vay tiền còn Công ty V vay bao nhiêu tiền thì ông bà không biết. Khi ông bà ký hợp

đồng thể chấp, các con ông bà không hề biết. Thửa đất này là đất giãn dân, cấp cho hộ gia đình ông bà vào khoảng năm 1980-1981, khi đó gồm có vợ chồng ông bà và anh C.X.Q. Năm 1990, ông bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời cho hộ ông C.X.B. Thời điểm đó, hộ gia đình ông bà gồm có 7 người là vợ chồng ông bà, anh Q, chị Y, chị H, chị T, chị T. Trên đất hiện có 01 ngôi nhà 3 tầng diện tích khoảng 100m² và một phần dãy phòng trọ cấp 4 xây dựng năm 2003, năm 2017 gia đình ông bà làm thêm mái tôn trên sân thượng. Các công trình này do hai vợ chồng ông bà và các con trai, con dâu ông bà cùng đóng góp xây dựng. Hiện nay, sinh sống trên đất gồm có: Ông C.X.B, bà Đ.T.L, anh C.X.Q, chị N.T.H.G, cháu C.K.L, cháu C.K.H, cháu C.X.B, chị C.T.Y, cháu N.H.N, cháu N.H.A, chị C.T.T, cháu N.T.N, chị C.T.T, cháu N.P.U, Cháu N.K.A, chị C.T.H. Nay Q khởi kiện, ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Q về việc xử lý tài sản thế chấp của gia đình ông bà. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu độc lập của anh C.X.Q, chị N.T.H.G, chị C.T.Y, chị C.T.T, chị C.T.H, chị C.T.T tuyên bố hợp đồng thế chấp và các phụ lục hợp đồng kèm theo vô hiệu và trả lại gia đình ông bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là anh C.X.Q, chị N.T.H.G, chị C.T.Y, chị C.T.T, chị C.T.H do anh Q làm đại diện và chị C.T.T thống nhất xác nhận lời trình bày của ông B, bà L về quan hệ gia đình và nguồn gốc thửa đất. Ông B, bà L ký hợp đồng thế chấp thửa đất trên các anh chị không biết, cũng không được sự nhất trí của các anh chị. Quyền sử dụng đất và mọi tài sản trên đất thuộc thửa đất nêu trên là tài sản chung của cả gia đình, ông B, bà L không có quyền định đoạt toàn bộ do vậy đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu độc lập của các anh chị tuyên bố hợp đồng thế chấp và các phụ lục hợp đồng kèm theo vô hiệu và trả lại gia đình anh chị giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 28/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội đã xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điều 147, 199, 227, 271, 273 – BLTTDS

Căn cứ Điều 122, 305, 342, 343, 355, 471, khoản 1, 5 Điều 474, 715, 716, 717, 718, 719, 720, 721 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Khoản 2 Điều 108 Luật Doanh nghiệp 2005

Căn cứ Khoản 3 Điều 3, Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án

Xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện thanh toán tiền theo hợp đồng tín dụng và 16 khế ước nhận nợ của Công ty TNHH một thành viên Q do Ngân hàng thương mại cổ phần T kế thừa quyền và nghĩa vụ.

Xác nhận đến ngày 11/9/2018 Công ty cổ phần sản xuất và thương mại V còn nợ Công ty TNHH một thành viên Q do Ngân hàng thương mại cổ phần T kế thừa quyền và nghĩa vụ: Nợ gốc: 39.940.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 1.089.781.055 đồng; Nợ lãi quá hạn: 56.494.171.293 đồng; Tổng cộng: 97.523.952.348 đồng.

Kể từ ngày 12/9/2018, Công ty cổ phần sản xuất và thương mại V phải tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1127600299 ngày 07/10/2011 và các Khế ước nhận nợ kèm theo cho đến ngày Công ty V thực tế thanh toán hết các khoản nợ cho Công ty TNHH một thành viên Q do Ngân hàng thương mại cổ phần T kế thừa quyền và nghĩa vụ.

+ Bác yêu cầu phản tố của bị đơn về Hủy hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1127600299 ngày 07/10/2011 và 16 khế ước nhận nợ kèm theo của Công ty cổ phần sản xuất và thương mại V

- Chấp nhận một phần yêu cầu về xử lý tài sản thế chấp của Công ty TNHH một thành viên Q do Ngân hàng thương mại cổ phần T kế thừa quyền và nghĩa vụ.

Trường hợp Công ty cổ phần sản xuất và thương mại V không trả hoặc trả không đủ số tiền trên Công ty TNHH một thành viên Q do Ngân hàng thương mại cổ phần T kế thừa quyền và nghĩa vụ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản sau để thu hồi nợ:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số X, tờ bản đồ số Y, tại xã T, T, Hà Nội đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W907466 ngày 12/11/2003 mang tên N.H.M để thanh toán cho khoản vay của Công ty V không vượt quá nợ gốc 8.500.000.000đ với lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ.

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa số A, tờ bản đồ số B, tại xã T, T, Hà Nội theo đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W892957 ngày 22/9/2003 mang tên N.Q.T để thanh toán cho khoản vay của Công ty V với nợ gốc không vượt quá 4.000.000.000đ với lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ.

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa số M, tờ bản đồ số N, tại xã T, T, Hà Nội đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S159706 ngày 12/5/2004 mang tên N.H.L để thanh toán cho khoản vay của Công ty V

không vượt quá nợ gốc 14.000.000.000đ với lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ.

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa số Q, tờ bản đồ số K, tại xã T, T, Hà Nội đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ888929 ngày 20/12/2004 mang tên T.V.H để thanh toán cho khoản vay của Công ty V không vượt quá nợ gốc 6.000.000.000đ với lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ.

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa số G, tờ bản đồ số H, tại xã T, T, Hà Nội đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D887939 ngày 31/8/2004 sang tên N.N.S ngày 27/4/2009 để thanh toán cho khoản vay của Công ty V với số nợ gốc không vượt quá 2.500.000.000đ và lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ.

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa số T, tờ bản đồ số O, tại xã T, T, Hà Nội đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S297764 ngày 14/4/2004 mang tên N.G.T để thanh toán cho khoản vay của Công ty V không vượt quá nợ gốc 12.000.000.000đ với lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa thửa số P, tờ bản đồ số K, tại xã T, T, Hà Nội đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB626181 ngày 13/7/2005 mang tên ông C.X.B và bà Đ.T.L để thanh toán cho khoản vay của Công ty V với nợ gốc không vượt quá 5.000.000.000đ với lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ.

+ Bác yêu cầu của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập về việc hủy hợp đồng thế chấp tài sản và các phụ lục hợp đồng kèm theo

+ Về án phí : Công ty V phải chịu phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 205.000.000đ đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận và 147.940.000đ của yêu cầu phản tố không được chấp nhận, được khấu trừ vào số tiền 70.000.000đ Công ty V đã nộp theo phiếu thu số 8805 ngày 26/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự, nay còn phải nộp tiếp 283.463.000đ; Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập không được chấp nhận phải chịu án phí dân sự; Q do Ngân hàng T kế thừa quyền và nghĩa vụ được được hoàn lại 112.000.000đ tạm ứng án phí theo phiếu thu số 8546 ngày 18/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

+ Về quyền kháng cáo : Các đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được kháng cáo bản án trong 15 ngày kể từ được tổng đạt bản án.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng T kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm kê biên phát mại tài sản gắn liền với đất thuộc 05 thửa đất thế chấp sau:

1. Thửa số A, tờ bản đồ số B, tại xã T, huyện T, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W892957 do UBND huyện T cấp ngày 22/9/2003 mang tên N.Q.T.

2. Thửa số M, tờ bản đồ số N, tại xã T, huyện T, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S159706 do UBND huyện T cấp ngày 12/5/2004 mang tên N.H.L.

3. Thửa số Q, tờ bản đồ số K, tại xã T, huyện T, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ888929 do UBND huyện T cấp ngày 20/12/2004 mang tên T.V.H.

4. Thửa số G, tờ bản đồ số H, tại xã T, huyện T, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D887939 do UBND huyện T cấp ngày 31/8/2004 mang tên ông N.N.S.

5. Thửa số T, tờ bản đồ số O, tại xã T, huyện T, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S297764 do UBND huyện T cấp ngày 14/4/2004 mang tên N.G.T.

Bị đơn Công ty cổ phần sản xuất và thương mại V kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm:

- Tuyên Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1127600299 ngày 07/10/2011 và 16 khế ước nhận nợ là vô hiệu.

- Tuyên 07 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, các phụ lục hợp đồng thế chấp vô hiệu và giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu.

- Kèm theo đơn kháng cáo, bị đơn nộp tài liệu là bản phô tô Quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 7/01/2019 của Phòng đăng ký kinh doanh S thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Anh N.Q.T, chị N.T.D, chị N.T.H, chị N.T.M, bà N.T.H, anh N.N.S, chị N.T.C, bà V.T.Đ, ông N.N.D, anh N.H.GI, anh N.H.G, chị N.T.P, anh N.T.T, chị B.T.H, bà N.T.N, ông N.H.M, ông N.H.L, bà G.T.L, anh N.A.T, ông N.G.Th, ông N.G.P, chị N.T.H, chị B.K.T, anh Đ.T.Đ, chị N.T.H, cụ V.T.G, ông N.G.T, bà Đ.T.D, ông T.V.H, bà Đ.T.P, chị N.T.U, anh T.V.N, ông C.X.B, bà Đ.T.L, chị C.T.T, anh C.X.Q, chị C.T.Y, chị C.T.T, chị C.T.H, chị N.T.H.G, bà Đ.T.M, ông N.H.M, chị V.N.Q, anh N.H.S, anh N.H.L, chị N.T.L, chị N.T.T, bà T.T.C, anh T.V.H, anh T.V.S, chị P.T.N, bà T.T.H, bà T.T.L, bà N.T.A.K, bà N.T.H, ông N.N.K kháng cáo đề

ngợi Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập có kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, tuyên hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp vô hiệu; trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận xét và đề nghị:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Hợp đồng tín dụng ký kết giữa các bên là hợp pháp và phù hợp với quy định của pháp luật. Án sơ thẩm tuyên buộc Công ty cổ phần sản xuất và thương mại V phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi là có căn cứ nhưng cần tính lại số tiền lãi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Đối với các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được ký trên cơ sở tự nguyện giữa các bên, được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm, nên có hiệu lực thi hành. Đối với tài sản thế chấp của bà M, ông M đề nghị Hội đồng xét xử sửa phần tài sản thế chấp chỉ là quyền sử dụng đất, phần tài sản trên đất không phải là tài sản thế chấp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

- Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa Công ty TNHH MTV Q (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng là Ngân hàng T) với Công ty cổ phần sản xuất và thương mại V phát sinh từ hợp đồng tín dụng số LD1127600299 ngày 07/10/2011 được Tòa án cấp sơ thẩm xác định tranh chấp hợp đồng tín dụng là đúng pháp luật.

- Về thẩm quyền giải quyết: Công ty cổ phần sản xuất và thương mại V có địa chỉ trụ sở tại xóm C, thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] - Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] – Về nợ gốc:

Xét Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1127600299 ngày 07/10/2011 và 16 khế ước nhận nợ giữa Ngân hàng T với Công ty cổ phần sản xuất và thương mại V được các chủ thể có quyền tham gia ký kết trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, không bị lừa dối, nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên các bên phải có nghĩa vụ thực hiện.

Ngày 15/9/2011 Công ty V đã tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị với đầy đủ thành viên và cùng thống nhất với nội dung: “Đồng ý vay hạn mức ngân hàng số tiền 40.000.000.000 đồng để phục vụ mục đích bổ sung vốn kinh doanh (bao gồm cả vay vốn, mở LD, bảo lãnh và các nghĩa vụ khác được ngân hàng chấp nhận)...Ủy quyền cho bà Đ.T.M giám đốc công ty làm đại diện ký kết hợp đồng và giấy tờ liên quan đến vấn đề này để vay vốn tại Ngân hàng”. Quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định tại điểm g khoản 2 Điều 108 Luật doanh nghiệp 2005.

Căn cứ vào hợp đồng trên, Ngân hàng T đã giải ngân cho Công ty cổ phần sản xuất và thương mại V vay số tiền 39.940.000.000 đồng được thể hiện bằng 16 khế ước nhận nợ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận số tiền nợ gốc 39.940.000.000 đồng.

Án sơ thẩm xác định Công ty cổ phần sản xuất và thương mại V còn nợ Công ty TNHH MTV Q (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng là Ngân hàng T) số tiền nợ gốc 39.940.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.2] – Về nợ lãi:

Tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1127600299 ngày 07/10/2011 và 16 khế ước nhận nợ, các bên thống nhất thỏa thuận về lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất của bên ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ. Ngân hàng T đã điều chỉnh lãi suất trong hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng và yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền lãi trong hạn 1.949.628.622 đồng là phù hợp.

Căn cứ vào đăng ký kinh doanh của bị đơn, hồ sơ phương án vay vốn thì xác định bị đơn là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Nguyên đơn tính lãi suất kể từ thời điểm nhận nợ theo 16 Khế ước theo thỏa thuận, tuy nhiên việc nguyên đơn áp dụng mức lãi suất quá hạn từ ngày khoản nợ quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền 60.567.548.523 đồng là quá cao và không đúng quy định vì: Ngân hàng Nhà nước đã có quyết định điều chỉnh lãi suất, quy định về mức lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các khoản cho vay nhằm đáp ứng các nhu cầu vốn: Phục vụ lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn; thực hiện phương án, dự án sản xuất - kinh doanh hàng xuất khẩu; phục vụ sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Theo quy định tại Thông tư số 16/2013/TT-NHNN ngày 27/6/2013 của Ngân hàng Nhà nước quy định mức lãi suất cho vay tối đa là 9%. Sau đó Ngân hàng Nhà nước đã có nhiều văn bản điều chỉnh lãi suất cho vay theo xu hướng giảm dần: Theo quy định tại Quyết định số 499/QĐ-NHNN ngày 17/3/2014 có hiệu lực ngày 18/3/2014 thì lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa là 8%; theo Quyết định số 2174/QĐ-NHNN ngày 28/10/2014 có hiệu lực ngày 29/10/2014 thì lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa là 7%; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Quyết định số 1425/QĐ-NHNN ngày 07/7/2017 có hiệu lực ngày 10/7/2017 thì lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa là 6,5%. Án sơ thẩm chấp nhận lãi quá hạn với mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu mà không điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng Nhà nước là không đúng. Do đó, áp dụng các quyết định về điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Nhà nước như đã phân tích ở trên để tính lại lãi suất quá hạn của 16 khế ước nhận nợ là 31.802.066.250 đồng, nên sửa lại phần này của án sơ thẩm.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty cổ phần sản xuất và thương mại V trả 951.078.608 đồng tiền lãi cho Ngân hàng T. Số tiền lãi (lãi trong hạn và lãi quá hạn) còn lại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại V phải trả Ngân hàng T là: 32.800.616.264 đồng.

Do đó, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 39.940.000.000 đồng và lãi (lãi trong hạn và lãi quá hạn) tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/02/2019) là 32.800.616.264 đồng. Tổng cộng là 72.740.616.264 đồng.

[2.3] – Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các hồ sơ kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện:

-Gia đình ông L: Tại biên bản họp gia đình ngày 12/3/2004 ông L được đứng tên và toàn quyền sử dụng

-Gia đình anh T: Tại đơn cho đất của ông N.Q.N và bà B.T.S đề ngày 21/11/1987, biên bản họp gia đình ngày 10/11/2002 ghi nhận lại việc cho đất của ông N bà S. Sau khi anh T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đã chuyển nhượng 52,2 m², người nhận chuyển nhượng đã được cấp sổ đỏ.

-Gia đình ông M: Tại đơn đăng ký quyền sử dụng đất ngày 20/10/2002 do ông M, bà M ký ghi nguồn gốc cha ông để lại do UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A006938. Tại đơn đề nghị cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông M bà M viết đề ngày 04/10/2002 ghi nguồn gốc cha mẹ để lại cho con. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A006938 ngày 22/11/1991 còn ghi chuyển nhượng cho ông T.K.T 70m², diện tích còn được sử dụng là 128m².

-Gia đình anh H: Đơn đăng ký kê khai ông T.V.H viết ngày 11/9/2004 được cấp sổ đỏ ngày 22/8/1992 và cấp đổi năm 2004 đều có nguồn gốc cha ông để lại nhưng từ khi lần đầu đến khi cấp đổi không thể hiện có khiếu nại.

-Gia đình anh S: Tại hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 30/3/2009 thể hiện anh S được ông T, bà Đ tặng cho quyền sử dụng đất

-Gia đình ông T: Đơn xin đăng ký kê khai ngày 24/8/2002, được cấp sổ đỏ số S297764 ngày 14/4/2004, sau khi được cấp sổ đỏ ông T đã chuyển nhượng cho anh N.V.T, chị T.T.P, chị N.T.H, anh N.V.C. Những người nhận chuyển nhượng đã được cấp sổ đỏ và không có khiếu nại gì.

-Gia đình ông B: Sổ đỏ được cấp ngày 22/8/1991. Ngày 22/4/2005 ông B bà L xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 13/7/2005 được cấp lại. Năm 2008 đã chuyển nhượng 44m² đất cho anh L.Đ.Q, chị N.T.K.T. Năm 2010 chuyển nhượng 39,8 m² đất cho anh N.V.H. Những người nhận chuyển nhượng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xét các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được các chủ sở hữu, sử dụng hợp pháp ký kết trên cơ sở tự nguyện, có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định nên có hiệu lực thi hành. Vì vậy, trường hợp Công ty cổ phần sản xuất và thương mại V không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp theo thủ tục chung để thu hồi nợ.

Ngân hàng T kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm tuyên kê biên phát mại tài sản gắn liền với đất thuộc 5 thửa đất số A, M, Q, G, T. Hội đồng xét xử thấy: Tại Điều 1 của 5 hợp đồng thế chấp trên, các bên đã thỏa thuận: “Chỉ thế chấp quyền sử dụng đất”, do đó không chấp nhận nội dung kháng cáo này của nguyên đơn.

Xét hợp đồng thế chấp tài sản của ông N.H.M và vợ bà Đ.T.M: Tại Điều 1 của Hợp đồng thế chấp, các bên đã thỏa thuận: “Dưới đây trong hợp đồng này quyền sử dụng đất nói trên gọi là Tài sản thế chấp”. Như vậy, tài sản thế chấp được các bên xác định chỉ có quyền sử dụng đất mà không có tài sản gắn liền với đất. Tòa án sơ thẩm phát mại cả tài sản gắn liền với đất là không đúng với sự thỏa thuận của các bên, nên sửa lại phần này của án sơ thẩm.

[3] Trong phần nhận định của bản án sơ thẩm có ghi: “Nguyên đơn rút yêu cầu buộc bị đơn thanh toán tiền phạt chậm trả nên đình chỉ đối với yêu cầu này”. Nhưng tại phần quyết định không tuyên đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn là thiếu sót, nên sửa lại.

Từ nhận định trên và theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn. Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập. Do đó, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên giữ nguyên.

Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Từ những nhận định trên.

Căn cứ Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 30; Điều 37; Điều 38; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 342; Điều 343; Điều 355; Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Áp dụng Điều 91; Điều 94; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng T

Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty cổ phần sản xuất và thương mại V và một phần kháng cáo của anh N.Q.T, chị N.T.D, chị N.T.H, chị N.T.M, bà N.T.H, anh N.N.S, chị N.T.C, bà V.T.Đ, ông N.N.D, anh N.H.GI, anh N.H.G, chị N.T.P, anh N.T.T, chị B.T.H, bà N.T.N, ông N.H.M, ông N.H.L, bà G.T.L, anh N.A.T, ông N.G.Th, ông N.G.P, chị N.T.H, chị B.K.T, anh Đ.T.Đ, chị N.T.H, cụ V.T.G, ông N.G.T, bà Đ.T.D, ông T.V.H, bà Đ.T.P, chị N.T.U, anh T.V.N, ông C.X.B, bà Đ.T.L, chị C.T.T, anh C.X.Q, chị C.T.Y, chị C.T.T, chị C.T.H, chị N.T.H.G, bà Đ.T.M, ông N.H.M, chị V.N.Q, anh N.H.S, anh N.H.L, chị N.T.L, chị N.T.T, bà T.T.C, anh T.V.H, anh T.V.S, chị P.T.N, bà T.T.H, bà T.T.L, bà N.T.A.K, bà N.T.H, ông N.N.K.

Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 28/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Q (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ngân hàng T) về việc buộc Công ty cổ phần sản xuất và thương mại V thanh toán tiền phạt chậm trả.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện thanh toán tiền theo hợp đồng tín dụng và 16 khế ước nhận nợ của Công ty TNHH MTV Q (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ngân hàng T).

Buộc Công ty cổ phần sản xuất và thương mại V phải thanh toán cho Công ty TNHH một thành viên Q (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ngân hàng T) tổng số tiền là **72.740.616.264 đồng**, trong đó: Nợ gốc là 39.940.000.000 đồng; Nợ lãi là 32.800.616.264 đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 28/02/2019, Công ty cổ phần sản xuất và thương mại V phải tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1127600299 ngày 07/10/2011 và các Khế ước nhận nợ kèm theo nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật cho đến ngày Công ty cổ phần sản xuất và thương mại V thanh toán hết các khoản nợ cho Công ty TNHH MTV Q (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ngân hàng T).

3. Bác yêu cầu phản tố của Công ty cổ phần sản xuất và thương mại V về việc đề nghị hủy hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1127600299 ngày 07/10/2011 và 16 khế ước nhận nợ kèm theo.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Q (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ngân hàng T) về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp Công ty cổ phần sản xuất và thương mại V không trả hoặc trả không đủ số tiền phải thanh toán thì Công ty TNHH MTV Q (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ngân hàng T) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản sau để thu hồi nợ:

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa số X, tờ bản đồ số Y, tại xã T, T, Hà Nội đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W907466 ngày 12/11/2003 mang tên N.H.M để thanh toán cho khoản vay của Công ty cổ phần sản xuất và thương mại V không vượt quá nợ gốc 8.500.000.000 đồng với lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa số A, tờ bản đồ số B, tại xã T, T, Hà Nội đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W892957 ngày 22/9/2003 mang tên N.Q.T để thanh toán cho khoản vay của Công ty cổ phần sản xuất và thương mại V với nợ gốc không vượt quá 4.000.000.000 đồng với lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa số M, tờ bản đồ số N, tại xã T, T, Hà Nội đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S159706 ngày 12/5/2004 mang tên N.H.L để thanh toán cho khoản vay của Công ty cổ phần sản xuất và thương mại V không vượt quá nợ gốc 14.000.000.000 đồng với lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa số Q, tờ bản đồ số K, tại xã T, T, Hà Nội đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ888929 ngày 20/12/2004 mang tên T.V.H để thanh toán cho khoản vay của Công ty cổ phần sản xuất và thương mại V không vượt nợ gốc 6.000.000.000 đồng với lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa số G, tờ bản đồ số H, tại xã T, T, Hà Nội đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D887939 ngày 31/8/2004 sang tên N.N.S ngày 27/4/2009 để thanh toán cho khoản vay của Công ty cổ phần sản xuất và thương mại V với số nợ gốc không vượt quá 2.500.000.000 đồng và lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa số T, tờ bản đồ số O, tại xã T, T, Hà Nội đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S297764 ngày 14/4/2004 mang tên N.G.T để thanh toán cho khoản vay của Công ty cổ phần sản xuất và thương mại V không vượt quá nợ gốc

12.000.000.000 đồng với lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

- **Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất** thuộc thừa thừa số P, tờ bản đồ số K, tại xã T, T, Hà Nội đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB626181 ngày 13/7/2005 mang tên ông C.X.B và bà Đ.T.L để thanh toán cho khoản vay của Công ty cổ phần sản xuất và thương mại V với nợ gốc không vượt quá 5.000.000.000 đồng với lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Khi phát mại tài sản, nếu số tiền thu được không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty cổ phần sản xuất và thương mại V vẫn phải có nghĩa vụ trả nốt số nợ còn lại cho Công ty TNHH MTV Q (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng là Ngân hàng T). Nếu thừa thì trả lại cho chủ sở hữu tài sản.

Trường hợp người thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời là người sở hữu tài sản gắn liền với đất, thì tài sản gắn liền với đất được xử lý đồng thời với quyền sử dụng đất. Số tiền thu được từ việc xử lý phải thanh toán trước cho chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất tương đương với giá trị tài sản gắn liền với đất. Số tiền còn lại thuộc về ngân hàng.

Trường hợp người thế chấp quyền sử dụng đất không đồng thời là chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, thì khi xử lý quyền sử dụng đất, người chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất được tiếp tục sử dụng theo thỏa thuận giữa người sử dụng đất và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất. Quyền và nghĩa vụ giữa bên thế chấp và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất được chuyển giao cho người mua, người nhận quyền sử dụng đất.

5. Các yêu cầu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập về việc hủy hợp đồng thế chấp tài sản và các phụ lục hợp đồng kèm theo

6. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH MTV Q (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng là Ngân hàng T) phải chịu 136.765.482 đồng, được trừ vào số tiền 112.000.000 đồng tạm ứng án phí theo phiếu thu số 8546 ngày 18/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hà Nội, nên còn phải nộp 24.765.482 đồng.

- Công ty cổ phần sản xuất và thương mại V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 180.740.616 đồng đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận và 147.940.000 đồng đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận, được khấu trừ vào số tiền 70.000.000 đồng Công ty cổ phần sản xuất và thương mại V đã nộp theo phiếu thu số 8805 ngày 26/02/2018

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hà Nội, nên còn phải nộp 258.680.616 đồng;

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là chị N.N.Q, anh N.H.L, chị N.T.L, chị N.T.T và anh N.H.S, bà N.T.H, chị N.T.H, chị N.T.M, anh N.N.D, bà V.T.Đ, chị N.T.H, anh N.N.K, chị N.T.A.K, anh N.H.GI, chị B.T.H, anh N.H.G, chị N.T.P, anh N.T.T, ông N.H.M và bà N.T.N, anh N.A.T, chị B.K.T, chị N.T.H, chị N.T.H, anh Đ.T.Đ, ông N.G.Th, ông N.G.P và cụ V.T.G, anh T.V.N, anh T.V.H, anh T.V.S, chị P.T.N, bà T.T.C, bà T.T.H, bà T.T.L và chị N.T.U (tức P), anh C.X.Q, chị N.T.H.G, chị C.T.Y, chị C.T.T, chị C.T.H và chị C.T.T, mỗi người phải chịu 3.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

7. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty TNHH MTV Q (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng là Ngân hàng T) phải chịu 2.000.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm (đã nộp) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 8682 ngày 25/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hà Nội.

Trả lại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại V 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm (đã nộp) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 8664 ngày 18/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hà Nội.

Trả lại cho chị N.T.D, anh N.Q.T, bà N.T.H, chị N.T.H, chị N.T.M, anh N.N.S, chị N.T.C, ông N.N.D, bà V.T.Đ, bà N.T.A.K, bà N.T.H, ông N.N.K, ông N.H.GI, bà N.T.N, chị N.T.P, anh N.T.T, chị B.T.H, anh N.H.G, bà G.T.L, ông N.H.L, ông N.H.M, chị B.K.T, anh Đ.T.Đ, chị N.T.H, ông N.G.Th, ông N.G.P, chị N.T.H, ông N.G.T, bà Đ.T.D, bà V.T.G, anh N.A.T, ông T.V.H, bà Đ.T.P, anh T.V.N, chị P.T.N, anh T.V.S, anh T.V.H, bà T.T.L, bà T.T.H, bà T.T.C, chị N.T.U, chị C.T.T, chị C.T.H, chị C.T.T, chị C.T.Y, chị N.T.H.G, anh C.X.Q, ông C.X.B, bà Đ.T.L, ông N.H.M, bà Đ.T.M, anh N.H.S, anh N.H.L, chị N.T.L, chị N.T.T, chị V.N.Q, mỗi người 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm (đã nộp) theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 8631, 8630, 8632, 8633, 8629, 8590, 8591, 8589, 8588, 8627, 8626, 8628, 8623, 8618, 8619, 8620, 8621, 8622, 8624, 8625, 8659, 8649, 8650, 8651, 8652, 8653, 8654, 8655, 8656, 8657, 8658, 8592, 8593, 8594, 8597, 8596, 8595, 8598 và 8660, 8599, 8600, 8617, 8641, 8642, 8643, 8644, 8645, 8646, 8647, 8648, 8640, 8639, 8638, 8637, 8636, 8634, 8635 cùng ngày 18/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hà Nội.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- Chi Cục THADS huyện T, tp Hà Nội;
- TAND huyện T, tp Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Sơn